BẢN ĐỒ KẾT QUẢ RÀ SOÁT QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỲ TRƯỚC

HUYỆN PHÙ CỪ - TỈNH HƯNG YÊN

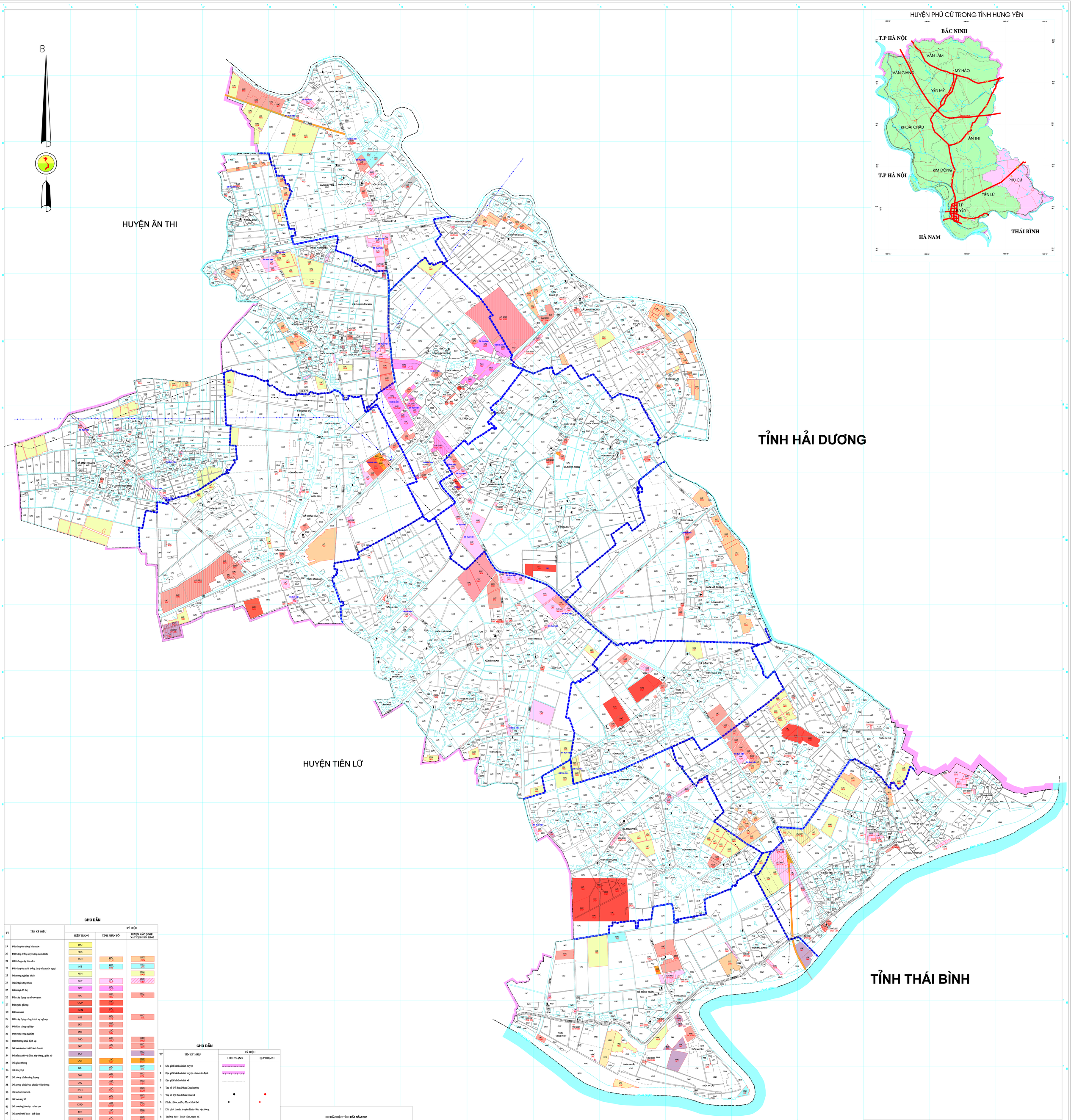

CHÚ DẪN

TT	TÊN KÝ HIỆU	KÝ HIỆU: HIỆN TRẠNG	KÝ HIỆU: TỈNH PHÂN BỔ	KÝ HIỆU: HUYỆN XÁC ĐỊNH, XÁC ĐỊNH BỔ SUNG
19	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC		
20	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	HNK		
21	Đất trồng cây lâu năm	CLN	LUC CLN	LUC CLN
22	Đất chuyên nuôi trồng thuỷ sản nước ngọt	NTS	LUC NTS	LUC NTS
23	Đất nông nghiệp khác	NKH		LUC NKH
24	Đất ở tại nông thôn	ONT	LUC ONT	LUC ONT
25	Đất ở tại đô thị	ODT	LUC ODT	
26	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	LUC TSC	LUC TSC
27	Đất quốc phòng	CQP	LUC CQP	
28	Đất an ninh	CAN	LUC CAN	
29	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DTS	LUC DTS	LUC DTS
30	Đất khu công nghiệp	SKK	LUC SKK	
31	Đất cụm công nghiệp	SKN	LUC SKN	
32	Đất thương mại dịch vụ	TMD	LUC TMD	LUC TMD
33	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	SKC	LUC SKC	LUC SKC
34	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ	SKX		LUC SKX
35	Đất giao thông	DGT	LUC DGT	LUC DGT
36	Đất thuỷ lợi	DTL	LUC DTL	LUC DTL
37	Đất công trình năng lượng	DNL	LUC DNL	LUC DNL
38	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	LUC DBV	LUC DBV
39	Đất cơ sở văn hoá	DVH	LUC DVH	LUC DVH
40	Đất cơ sở y tế	DYT	LUC DYT	LUC DYT
41	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	LUC DGD	LUC DGD
42	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	LUC DTT	LUC DTT
43	Đất chợ	DCH	LUC DCH	LUC DCH
44	Đất có di tích danh thắng	DDT	LUC DDT	
45	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH		LUC DSH
46	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV		LUC DKV
47	Đất để xử lý, chôn lấp chất thải nguy hại	DRA	LUC DRA	LUC DRA
48	Đất cơ sở tôn giáo	TON	LUC TON	
49	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN		LUC TIN
50	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	LUC NTD	LUC NTD
51	Đất sông	SON		
52	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC		
	Đất bằng chưa sử dụng	BCS		

CHÚ DẪN

TT	TÊN KÝ HIỆU	KÝ HIỆU: HIỆN TRẠNG	KÝ HIỆU: QUY HOẠCH
1	Địa giới hành chính huyện		
2	Địa giới hành chính huyện chưa xác định		
3	Địa giới hành chính xã		
4	Trụ sở Uỷ Ban Nhân Dân huyện		
5	Trụ sở Uỷ Ban Nhân Dân xã		
6	Đình, chùa, miếu, đền - Nhà thờ		
7	Đài phát thanh, truyền hình -Văn động		
8	Trường học - Bệnh viện, trạm xá		
9	Bưu điện - Trạm bơm - Cầu		
10	Đường quốc lộ	QL	QL
11	Đường tỉnh lộ	ĐT295	ĐT295
12	Đường huyện lộ	ĐH 02	ĐH 02
13	Đường liên xã		
14	Đường thôn xóm		
15	Đường mòn		
16	Hồ, ao, sông, suối		
17	Kênh, mương		
18	Đường điện cao thế		

CƠ CẤU DIỆN TÍCH ĐẤT NĂM 202

(Tổng diện tích tự nhiên 9403.88 ha)

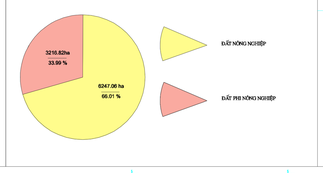

UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CỪ	PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	TRUNG TÂM KỸ THUẬT TN VÀ MT HƯNG YÊN
Ngày..... tháng..... năm 202...	*Ngày..... tháng..... năm 202...*	*Ngày..... tháng..... năm 202...*

NGUỒN TÀI LIỆU:
Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2015 của huyện
Bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của tỉnh Hưng Yên
Bản đồ địa chính chính quy năm 2012 (Dự án VLAP)

TỈ LỆ 1:10 000

ĐƠN VỊ XÂY DỰNG:
Trung tâm kỹ thuật TN & MT Hưng Yên

Vaccadcpchoachkehoach.dgn Nov. 04, 2024 14:39:58